

BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 20191
Lớp KTML 4 K10 Mã lớp học 27,110 Thực hành

Môn học: KMMH22 Máy điện

Giáo viên: *Phạm Huy Hải*

Số đơn vị học trình: 1

Thời gian TH: Từ.....đến.....

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
1	CD182446	Phạm Xuân Chiến	13/03/2000	7		<i>Chiến</i>	
2	CD182865	Nguyễn Công Cường	03/03/2000	7		<i>Cường</i>	
3	CD183008	Nguyễn Hải Cường	07/02/2000	7		<i>Cường</i>	
4	CD182524	Nguyễn Duy Dũng	09/11/2000	7		<i>Dũng</i>	
5	CD183126	Nguyễn Tuấn Dũng	10/12/2000	7		<i>Dũng</i>	
6	CD183080	Trần Mạnh Dũng	28/02/2000	5		<i>Dũng</i>	
7	CD182801	Nguyễn Hữu Dương	20/06/2000	5		<i>Dương</i>	
8	CD182606	Phạm Khương Duy	04/11/2000	0			
9	CD182808	Lê Hải Hà	02/10/2000	7		<i>Hà</i>	
10	CD182855	Trần Thanh Hải	26/04/2000	7		<i>Hải</i>	
11	CD182534	Nguyễn Trọng Hiếu	17/09/2000	7		<i>Hiếu</i>	
12	CD182866	Nguyễn Văn Hiếu	26/07/2000	5		<i>Hiếu</i>	
13	CD182668	Nguyễn Ngọc Hoàn	16/06/2000	5		<i>Hoàn</i>	
14	CD182703	Lê Đức Hoàng	28/01/2000	7		<i>Hoàng</i>	
15	CD182884	Lê Ngọc Huân	14/02/2000	7		<i>Huân</i>	
16	CD182794	Chữ Mạnh Hưng	18/09/2000	7		<i>Hưng</i>	
17	CD183040	Nguyễn Ngọc Huy	23/01/1999	7		<i>Huy</i>	
18	CD182373	Nguyễn Quang Huy	27/10/2000	7		<i>Huy</i>	
19	CD183082	Nguyễn Thế Huy	23/10/2000	7		<i>Huy</i>	
20	CD183098	Trần Văn Khải	26/11/2000	7		<i>Khải</i>	
21	CD182845	Lương Đức Khánh	02/09/2000	7		<i>Khánh</i>	
22	CD182538	Nguyễn Văn Khuê	17/10/2000	7		<i>Khuê</i>	
23	CD182872	Đinh Văn Minh	07/08/2000	7		<i>Minh</i>	
24	CD182809	Phạm Hồng Minh	31/08/2000	0			
25	CD180025	Hoàng Phương Nam	07/03/1997	5		<i>Nam</i>	
26	CD183073	Lê Hữu Nhất	31/05/2000	7		<i>Nhất</i>	
27	CD182679	Lê Ngọc Phát	04/02/2000	7		<i>Phát</i>	
28	CD182960	Trần Thế Phát	21/02/2000	5		<i>Phát</i>	
29	CD182427	Lê Trung Phong	01/01/2000	7		<i>Phong</i>	
30	CD182672	Trần Duy Phong	10/09/2000	7		<i>Phong</i>	
31	CD182576	Hà Anh Quân	13/01/2000	5		<i>Quân</i>	
32	CD182693	Nguyễn Anh Quân	15/02/2000	7		<i>Quân</i>	
33	CD182408	Nguyễn Hữu Quân	09/07/2000	7		<i>Quân</i>	
34	CD182773	Nguyễn Đức Quý	30/09/2000	7		<i>Quý</i>	
35	CD182702	Nguyễn Văn Quyền	20/05/2000	7		<i>Quyền</i>	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
36	CD183072	Lê Ngọc Sơn	06/08/2000	7		Sơn	
37	CD182631	Nguyễn Công Thắng	03/02/2000	7		Thắng	
38	CD182848	Nguyễn Thanh Thủy	22/02/2000	7		Thủy	
39	CD183018	Vũ Đức Tiến	27/07/2000	7		Tiến	
40	CD182812	Vũ Văn Toán	21/05/2000	7		Toán	
41	CD183060	Ngô Văn Toàn	28/10/2000	7		Toàn	
42	CD183015	Nguyễn Văn Triều	02/11/1999	7		Triều	
43	CD182926	Trần Đình Trọng	16/08/1999	7		Trọng	
44	CD182991	Khương Thành Trung	13/11/1993	7		Trung	
45	CD183069	Lê Quang Trung	04/03/2000	7		Trung	
46	CD183148	Nguyễn Xuân Trường	23/02/2000	7		Trường	
47	CD182864	Lê Thanh Tú	06/08/2000	7			
48	CD183134	Nguyễn Thành Tuấn	07/05/1999	7			
49	CD183033	Nguyễn Anh Tuấn	18/08/2000	7		Tuấn	
50	CD182899	Lê Xuân Tùng	30/12/1999	5		Tùng	
51	CD183031	Phương Thanh Tùng	19/06/1998	7		Tùng	
52	CD181139	Nguyễn Mạnh Tường	14/09/2000	7		Tường	
53	CD183151	Nguyễn Hùng Vương	18/12/1999	7		Vương	

Tổng số SV tham gia thực hành.....

Số sinh viên đạt.....

Ngày giáo viên nộp điểm:.....

Hạn cuối nộp điểm:.....

PHÒNG ĐÀO TẠO

Trần Thị Như Trang

Trần Thị Như Trang

CÁN BỘ CHẤM THI

Phạm Thị Hải
Phạm Thị Hải

TRƯỞNG KHOA

Đi Dal